

Ảnh hưởng của Covid-19: Một số kết quả từ khảo sát qua điện thoại của Chương trình Nghiên cứu Những cuộc đời trẻ thơ ở Việt Nam

Lê Thúc Dục

Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Mục tiêu của bài này trước hết là thông tin về kết quả các vòng khảo sát điện thoại của Chương trình NCDTT, với các kết quả chủ yếu đồng thời được trình bày trong Báo cáo của Scott và các tác giả (2022). Đồng thời, bài viết xem xét trong mối liên kết rõ ràng hơn với khung cảnh vĩ mô của Việt Nam. Các nghiên cứu trước đây của Chương trình NCDTT được sử dụng để cảnh báo hậu quả lâu dài về vốn con người trong các thế hệ sinh trong những năm gần đây. Các đánh giá này hy vọng là có ích cho Cơ quan chức năng quyết định các chính sách liên quan đến đại dịch.

1. Mở đầu

Hai thập kỷ đầu tiên của Thế kỷ 21 chứng kiến một thời kỳ phát triển kinh tế rất thành công dẫn đến sự cải thiện mức sống của hầu hết các gia đình ở Việt Nam. Nếu như các xu thế vẫn tiếp tục như trước khi xảy ra đại dịch, Việt Nam được kỳ vọng hoàn thành 5 trong 17 mục tiêu Phát triển bền vững năm 2030. Trong các mục tiêu này có xóa nghèo, bảo đảm an ninh lương thực, chăm sóc sức khỏe và một nền giáo dục có chất lượng công bằng cho tất cả mọi người. Đại dịch SARS-CoV-2 xuất hiện đã trở thành một thách thức nghiêm trọng, làm chậm tiến trình hiện thực hóa các mục tiêu kể trên.

Chương trình Những cuộc đời Trẻ thơ (NCDTT) có mục đích nghiên cứu cơ chế mà theo đó nghèo và bất bình đẳng có thể truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bộ số liệu lịch đại mà chương trình NCDTT thu thập được sử dụng để nghiên cứu tác động của nghèo mà trẻ trải qua trong những năm đầu đời có thể ảnh hưởng thế nào đến vốn con người của công dân tương lai. Chương trình NCDTT đã tiến hành 5 vòng khảo sát thực địa vào các năm từ 2002 đến 2016. Sau các đợt khảo sát này, Chương trình đã tiến hành năm cuộc khảo sát điện thoại các năm 2020-21, nhằm thu thập số liệu về ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đối với sức khỏe, việc làm và học tập của những người tham gia chương trình và hộ gia đình của họ.

2. Tác động ngắn hạn

Các thành viên Chương trình NCDTT được yêu cầu trả lời các câu hỏi về tác động của các đợt dịch SARS-CoV-2 đối với cuộc sống, học tập và lao động của họ. Các thống kê trong bài này gắn liền với tình hình dịch xảy ra trong thời gian như sau. Vòng khảo sát thứ nhất diễn ra trong các tháng 6 và 7 năm

2020. Vòng khảo sát tiếp theo diễn ra từ tháng 8 đến tháng 10 cùng năm. Cuối năm 2020, Chương trình tiến hành Vòng khảo sát thứ ba từ đầu tháng 11 đến đầu tháng 12. Trong năm 2021, có hai đợt khảo sát, từ đầu tháng 8 đến đầu tháng 9 (Vòng 4) và cuối cùng là vòng 5 từ đầu tháng 10 kết thúc vào giữa tháng 12. Có tất cả 2,425 thanh niên được phỏng vấn, trong đó có 1,630 người thuộc nhóm trẻ (sinh năm 2001/2) và 795 cá nhân thuộc nhóm lớn hơn (sinh năm 1994-5). Các thành viên trong nghiên cứu này được sinh ra tại Lào Cai, Hưng Yên, Đà Nẵng, Phú Yên, và Bến Tre. Tuy nhiên ở tuổi 19-27, họ đã di chuyển đến các vùng khác nhau của đất nước, và do đó ảnh hưởng của đại dịch SARS-CoV-2 đối với họ cũng đa dạng.

2.1 Tác động lên học tập

Nhà nước và các cơ quan quản lý địa phương của Việt Nam đề cao sự an toàn sức khỏe người dân, áp dụng các biện pháp quyết liệt kiên trì mục tiêu Zero Covid cho đến nửa sau của năm 2021. Trường học đóng cửa là một biện pháp cần thiết trong thời gian này. Nghiên cứu này không phát hiện khoảng cách giới trong vấn đề bỏ học. Điều này tương thích với các công bố trước đây rằng nền giáo dục ở Việt Nam thể hiện bình đẳng đối với trẻ gái cũng như trai. Nhìn chung, SARS-CoV-2 và các biện pháp đối phó đã có ảnh hưởng việc học của thanh niên. Kết quả khảo sát cho thấy rằng trong số lứa 19-20 tuổi từng đến trường vào đầu năm 2020, cho đến cuối năm 2021 có tất cả 14% không còn đi học. Tuy nhiên số liệu cho thấy nguyên nhân thôi học không có liên quan đáng kể với các biện pháp chống dịch và các khó khăn kinh tế như phải bỏ học để kiếm việc làm, hay không có khả năng chi phí việc học. Lý do quan trọng nhất là đã hoàn thành chương trình, với 6% các thành viên từng đến trường vào đầu năm 2020 cho biết như vậy. Thực tế, đây là giai đoạn chuyển

tiếp, nếu học đúng tuổi, các thanh niên sinh năm 2001 đã học xong trung học phổ thông. Trong những điều kiện bình thường, một bộ phận đáng kể thanh niên 19-20 tuổi bắt đầu tham gia thị trường lao động.

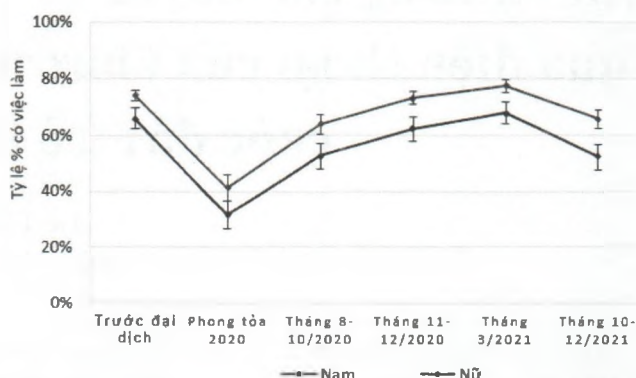
Bất bình đẳng trong tiếp cận công nghệ thông tin chính là yếu tố tạo khác biệt trong cơ hội học tập của thanh niên. Trong số những người không được tiếp cận Internet tại nhà (thông qua máy tính cá nhân/máy tính bảng) thì 22% đã bỏ học trước vòng khảo sát tháng 10-12/2021, trong khi tỷ lệ này cho nhóm có máy tính kết nối Internet là 3%. Tuy nhiên, học trực tuyến lại có vấn đề về chất lượng và việc này đã xảy ra trong phần lớn năm 2021. Hơn nữa số học sinh nhận định rằng chất lượng giáo dục kém hơn so với trước khi đại dịch xảy ra. Vấn đề giảm chất lượng được phản ánh nhiều hơn trong học sinh nông thôn so với thành phố. Tương tự, thanh niên trong các hộ nghèo cũng có tỷ lệ đồng ý về sự giảm chất lượng cao hơn so với nhóm là thành viên hộ khá giả. Có thể chất lượng thiết bị nối mạng góp phần vào bất bình đẳng này.

2.2 Tác động lên việc làm

Trong các năm 2020-21, sự phát triển trên thị trường lao động của thanh niên thế hệ Thiên niên kỷ chịu sự chi phối của hai yếu tố. Thứ nhất là do đặc điểm lứa tuổi, đặc biệt nhóm sinh năm 2001/2, đang trải qua thời kỳ hoàn tất giáo dục phổ thông, và chuẩn bị tham gia thị trường lao động, trừ những trường hợp tiếp tục học lên cao hơn. Yếu tố thứ hai là tác động của SARS-CoV-2. Lần đầu tiên trong thập kỷ qua, trường lao động Việt Nam chứng kiến sự sụt giảm nghiêm trọng. Theo theo số liệu của Tổng cục Thống kê (GSO), tổng số việc làm, theo GSO giảm từ 51.2 triệu trong Quý I năm 2020 xuống còn 49.4 triệu trong Quý tiếp theo. Sử dụng số liệu của Chương trình NĐTT, Đồ thị 1 cho thấy rằng diễn biến dịch bệnh trong năm 2020 đã ảnh hưởng cơ hội làm việc của thanh niên. Cùng với thành tích kiểm soát dịch, tình hình thị trường lao động cải thiện trong cuối năm 2020. Trước làn sóng SARS-CoV-2 thứ Tư, vào đầu năm 2021, tỷ lệ việc thanh niên trong mẫu làm việc đã trở về mức trước đại dịch. Tuy nhiên, xu thế thị trường lao động đảo ngược trong nửa cuối của năm 2021, vì tỷ lệ lây nhiễm trong nửa sau năm 2021 cao hơn hẳn so với năm 2020.

Hình 1 gợi ý rằng, khoảng cách giới duy trì suốt hai năm đại dịch. Số liệu cho thấy khoảng cách giới có tăng lên 5 điểm phần trăm so với mức 8% vào đầu năm 2020. Một trong những cách giải thích cho hiện tượng này là dịch bệnh và các biện pháp chống dịch làm tăng thêm công việc nhà, chăm sóc các thành viên gia đình, thường do phụ nữ làm, và gián tiếp làm giảm sự tham gia của họ trên thị trường lao

Hình 1. Tỷ lệ có việc làm



Chú thích: Đồ thị được tái tạo với sự đồng thuận của Scott và tác giả (2022)

động (Scott và các tác giả, 2022).

2.3 Cảm nhận về giàu nghèo và tác động lên sức khỏe tâm thần

Bằng chứng về mối liên hệ giữa kinh tế và sức khỏe tâm thần đã xuất hiện từ nửa năm trước làn sóng dịch SARS-CoV-2 thứ tư. Chính xác hơn, mối liên quan này thể hiện thông qua cảm nhận chủ quan về hộ gia đình đang nghèo đi. Chương trình NĐTT áp dụng bộ công cụ đánh giá rối loạn lo âu tổng quát (GAD-7) để đo mức độ lo lắng, và Bảng câu hỏi về sức khỏe bệnh nhân (PHQ-8) để phát hiện triệu chứng trầm cảm (Porter và các tác giả, 2021). Kết quả phân tích số liệu cho thấy rằng các triệu chứng lo âu và trầm cảm có liên hệ chặt chẽ với cảm nhận chủ quan về thay đổi mức độ giàu nghèo giữa các năm 2016 và 2020. Tác động bất lợi cho các hoạt động kinh tế của hộ gia đình, chẳng hạn như vắng khách hàng (đối với hộ kinh doanh), giá lương thực cao, v.v... cũng có ảnh hưởng đến triệu chứng lo lắng. Ngoài ra, phân tích cho thấy rằng trong hai bệnh lo âu và trầm cảm (thể nhẹ), phụ nữ trong có tỷ lệ triệu chứng cao hơn so với nam (Porter và các tác giả, 2021).

Hậu quả của làn sóng SARS-CoV-2 thứ tư đối với sức khỏe tâm thần là đáng kể. Số liệu cho thấy vào cuối năm 2021, tỷ lệ những người bị trầm cảm đã tăng gấp đôi (12%) so với một năm trước đó (6%). Số người báo cáo có triệu chứng lo lắng cũng tăng từ 5% lên 8%. Các thay đổi về sức khỏe tâm thần này liên quan đến chiều đi xuống trong cảm nhận chủ quan về giàu/nghèo. Chương trình NĐTT yêu cầu những người tham gia tự đánh giá tình trạng giàu/nghèo của hộ gia đình với các mức: Rất giàu, Giàu, Khá/đủ, Khó khăn/thiếu thốn, Nghèo, và Cơ cực. Chúng tôi so sánh câu trả lời của họ trong Vòng 5 (cuối năm 2021) với các số liệu trong Vòng 2 (tháng 8 đến tháng 10 năm 2020) và trước đại dịch (hồi tưởng về quá khứ trước Vòng 2). Kết quả cho thấy sự sụt giảm tổng thể trong cảm nhận chủ quan về mức giàu/nghèo. Số thanh niên coi hộ gia đình

thiếu thốn hoặc nghèo đã tăng từ 6% lên 9% trong khoảng thời gian từ trước đại dịch đến Vòng 5 (tháng 10-12 năm 2021). Một số cá nhân trước đây tự coi hộ mình là trung bình thì cuối năm 2021 phản ánh thuộc nhóm khó khăn.

2.4 Cảm nhận về an toàn lương thực

Tháng 6 năm 2018, thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025. Mục tiêu của chương trình là đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm, đáp ứng đủ dinh dưỡng cho người dân. Đại dịch SARS-CoV-2 bùng phát đe dọa, hoặc ít nhất là làm chậm tiến độ chương trình. Chúng tôi tiếp cận vấn đề an toàn lương thực ở quy mô hộ gia đình, thay vì ở cấp độ vĩ mô hay cộng đồng. Ở cấp vi mô, an toàn lương thực có thể không được đảm bảo vì có thể có thời điểm, đặc biệt là khi thiên tai, dịch bệnh xảy ra có thể dẫn đến gián đoạn hoạt động sản xuất hoặc/và dòng tài chính của hộ gia đình. Thêm vào đó, khái niệm an ninh lương thực trong bài này không chỉ thuần túy là sự hết thức ăn mà còn bao gồm cả sự lo lắng về tình trạng này. Trong cuộc khảo sát điện thoại này, Chương trình NCĐTT áp dụng công cụ của Tổ chức Nông lương (FAO) của Liên Hợp Quốc để đánh giá. Người tham Chương trình NCĐTT (hoặc những người trong hộ gia đình của họ) được hỏi, thứ nhất, có lo lắng về việc hết lương thực trong 12 tháng qua hay không và thứ hai, liệu họ có thực sự hết lương thực trong khoảng thời gian đó hay không. Câu trả lời “có” cho câu hỏi đầu tiên được coi là thiếu an toàn lương thực ở mức độ nhẹ, và nếu trả lời “có” cho cả hai câu hỏi thì có nghĩa đã trải qua thiếu an toàn lương thực nghiêm trọng. Số liệu của Chương trình NCĐTT cho thấy mức độ thiếu an toàn lương thực thể nhẹ tăng lên đáng kể với 29% số người được phỏng vấn trong thời gian tháng 10 đến tháng 12 năm 2021 cho biết có lo lắng về việc hết lương thực ít nhất một lần trong 12 tháng trước đó. Như vậy là tăng 15 điểm phần trăm so với con số 14% trong khảo sát trước đó một năm. Tỷ lệ người tham gia nói là thực sự hết lương thực cũng tăng nhẹ từ 4% trong đợt khảo sát Vòng 2 lên 5% vào Vòng 5 cuối năm 2021. Mặc dù thiếu an toàn lương thực nghiêm trọng không tăng lên trong nhóm hộ gia đình giàu, tình trạng lo lắng về vấn đề này vẫn tăng tăng từ 9% lên 28% trong vòng 1 năm có dịch. Thiếu an toàn lương thực nghiêm trọng gia tăng rõ rệt nhất ở bộ phận dân tộc thiểu số với 19% cho biết đã trải qua tình trạng hết lương thực ít nhất một lần trong 12 tháng trước vòng 5, cuối năm 2021.

3. Thảo luận về tác động dài hạn

Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra những giai đoạn quan trọng mà sự phát triển của sức khỏe nói chung và não bộ nói riêng rất nhạy cảm với chất lượng môi

trường (vật chất và tinh thần). Ví dụ, Thompson và Nelson (2001) cho rằng giai đoạn nhạy cảm đối với sự phát triển kỹ năng nhận thức ngôn ngữ bao gồm những năm đầu đời và Mẫu giáo. Đối với các kỹ năng nhận thức cao hơn, như giải quyết vấn đề, lập luận và trình bày, các giai đoạn nhạy cảm có bao gồm những năm Tiểu học. Trẻ cần được đảm bảo nhu cầu về dinh dưỡng, vui chơi, cũng như dạy dỗ để phát huy đầy đủ tiềm năng. Sau các giai đoạn này, các biện pháp sửa chữa ít có hiệu quả, nếu trẻ đã có biểu hiện dưới tiềm năng sau khi trải qua những điều kiện bất lợi trong những thời kỳ nhạy cảm tương ứng với các kỹ năng.

Như đã trình bày ở trên, vì dịch bệnh, các hộ gia đình giảm thu nhập, tăng chi phí chữa bệnh, thêm bất an về lương thực, xuất hiện vấn đề sức khỏe tâm thần của các thành viên gia đình. Một khảo sát của UNICEF (2020) cho thấy, tất cả các gia đình và trẻ em đều bị ảnh hưởng bởi đại dịch theo cách này hay cách khác. Những biến cố này làm trầm trọng tình trạng mà Thủ tướng đã chỉ ra là suy dinh dưỡng ở trẻ em vẫn còn ở mức cao, đặc biệt là suy dinh dưỡng thấp còi (TTCP, 2018). Suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em là bằng chứng rõ ràng về tổn thất lâu dài mà các quốc gia thu nhập thấp và trung bình sẽ phải gánh chịu. Cùng với tình trạng bất lợi về dinh dưỡng, sự gián đoạn hoạt động của các trường mầm non, và tiểu học sẽ gây nên những tác hại khó đảo ngược trong phát triển các kỹ năng nhận thức cho trẻ và là lãng phí của xã hội dưới dạng vốn con người trong tương lai. Chúng tôi đề nghị Chính phủ xem xét yếu tố này trong khi quyết định các biện pháp quản lý liên quan đến đại dịch./

Tài liệu tham khảo

Porter, C., Favara, M., Hittmeyer, A., Scott, D., Sanchez, A., Ellanki, R., Woldehanna, T., Le Thuc Duc, Craske, M., Stein, A. (2021). Impact of the COVID-19 pandemic on anxiety and depression symptoms of young people in the global south: evidence from a four-country cohort study. *BMJ Open*, 11(4), e049653.

Scott, D., Hittmeyer, A., Ford, K., Favara, M., & Porter, C. 2022. Listening to Young Lives at work in Vietnam: Fifth call: Young Lives COVID-19 phone survey headlines report.

Thompson, R.A., Nelson, C.A. (2001). Developmental science and the media: early brain development, *American Psychologist*, 56 (1), 5–15.

TTCP. 2018. Quyết định Số 712/QĐ-TTg ngày 12 Tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

UNICEF, 2020. Đánh giá nhanh tác động kinh tế và xã hội của đại dịch COVID-19 đối với trẻ em và gia đình tại Việt Nam.